

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN TỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2757 /UBND

Sơn Tịnh, ngày 05 tháng 11 năm 2018

Về việc công bố trên sóng Đài Truyền thanh và trang thông tin điện tử của huyện để lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn huyện về Báo cáo thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới của xã Tịnh Trà và Tịnh Sơn

Kính gửi:

- Văn phòng HĐND và UBND huyện;
- Đài Truyền thanh huyện;
- VPĐP Chương trình MTQG xây dựng NTM huyện.

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

Để có cơ sở hoàn thiện Báo cáo thẩm tra và đề nghị UBND tỉnh xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018 cho 02 xã: Tịnh Trà và Tịnh Sơn, UBND huyện yêu cầu:

1. Văn phòng HĐND và UBND huyện:

Mở mục tin, bài đăng tải Dự thảo Báo cáo thẩm tra và mức độ đạt từng tiêu chí của 02 xã: Tịnh Trà và Tịnh Sơn trên trang thông tin điện tử của huyện để lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn huyện.

2. Đài Truyền thanh huyện:

Mở chuyên mục phát sóng trên Đài Truyền thanh huyện về kết quả thẩm tra và mức độ đạt từng tiêu chí xây dựng nông thôn mới của 02 xã: Tịnh Trà và Tịnh Sơn trên sóng Đài Truyền thanh của huyện để lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn huyện (có Dự thảo Báo cáo thẩm tra và mức độ đạt từng tiêu chí của 02 xã Tịnh Trà và Tịnh Sơn kèm theo). Số lần công bố: Ít nhất 3 lần.

Hình thức tham gia ý kiến của nhân dân là bằng văn bản và gửi về UBND huyện Sơn Tịnh (Qua Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện), địa chỉ: UBND huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Thời gian góp ý chậm nhất **đến ngày 11/11/2018**. Sau thời gian này, nếu không tham gia góp ý thì xem như thống nhất với Dự thảo báo cáo.

3. Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện:

Tổng hợp ý kiến góp ý của nhân dân, báo cáo cho UBND huyện; đồng thời hoàn thiện hồ sơ, thủ tục để tham mưu cho UBND huyện đề nghị UBND tỉnh xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018 của 02 xã: Tịnh Trà và Tịnh Sơn.

Yêu cầu Đài Truyền thanh, Văn phòng HĐND và UBND huyện; Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện khẩn trương triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- UBND các xã;
- CVP, PVP (KT, TH);
- Lưu: VT.



Phạm Vinh

Dự thảo

BÁO CÁO

**Thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn
nông thôn mới của xã Tịnh Sơn năm 2018**

*(Theo Mẫu số 17 - Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016
của Thủ tướng Chính phủ)*

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPDP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Bộ tiêu chí của tỉnh Quảng Ngãi về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ hồ sơ và kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã Tịnh Sơn, UBND huyện Sơn Tịnh báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã Tịnh Sơn năm 2018, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA:

Thời gian thẩm tra: Ngày 19/10/2018.

1. Về hồ sơ:

- Tờ trình của UBND xã Tịnh Sơn về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018;
- Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Tịnh Sơn (kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới);
- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội của xã và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã;
- Biên bản cuộc họp của xã Tịnh Sơn (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo xã, Ban Quản lý xã, các Ban Phát triển thôn) đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018;

- Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Tịnh Sơn;

- Hình ảnh minh họa về kết quả xây dựng nông thôn mới của xã Tịnh Sơn (xã xây dựng video trình chiếu).

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

2.1. Tiêu chí số 1: Quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí :

- Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công khai đúng thời hạn.

- Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Tịnh Sơn giai đoạn 2011-2015 định hướng đến năm 2020 được Chủ tịch UBND huyện Sơn Tịnh phê duyệt tại Quyết định số 3396/QĐ-UBND ngày 02/10/2013.

- Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch nông thôn mới xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020 được UBND huyện Sơn Tịnh phê duyệt tại Quyết định số 3399/QĐ-UBND ngày 03/10/2013.

- Công tác quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã đảm bảo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với ứng phó biến đổi khí hậu; tập trung định hướng, xây dựng mô hình, đẩy mạnh chuyên giao ứng dụng khoa học kỹ thuật trên cây trồng chủ lực, theo hướng hình thành các vùng sản xuất chuyên canh gắn với thị trường.

c) Đánh giá chung tiêu chí số 1 về Quy hoạch: **Đạt.**

2.2. Tiêu chí số 2: Giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm. Đảm bảo quy mô kỹ thuật đạt tiêu chuẩn đường cấp A hoặc B (theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải); cứng hóa 100% (trong đó nhựa hóa, bê tông hóa $\geq 90\%$).

- Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm. Đảm bảo quy mô kỹ thuật đạt tiêu chuẩn đường cấp C (theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải); cứng hóa $\geq 70\%$.

- Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa. Đảm bảo quy mô kỹ thuật đạt tiêu chuẩn đường cấp D (theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải); cứng hóa $\geq 70\%$.

- Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm. Đảm bảo quy mô kỹ thuật đạt tiêu chuẩn đường cấp D (theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải); cứng hóa $\geq 70\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Đường xâ và đường từ trung tâm xâ đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: Đến nay đã cứng hóa 13,72/13,72 km, đạt 100% > 90%. Đánh giá: Đạt.

- Đường trục thôn và liên thôn ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: Đến nay đã cứng hóa 4,4/4,48 km, đạt 98,21% > 70%. Đánh giá: Đạt.

- Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa: Đến nay đã cứng hóa 9,89/12,3 km, đạt 80,41% > 70%. Đánh giá: Đạt.

- Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm: Đến nay đã thực hiện cứng hóa được 8,24/9,67 km, đạt 85,21% > 70%. Đánh giá: Đạt.

c) Đánh giá chung tiêu chí số 2 về Giao thông: **Đạt.**

2.3. Tiêu chí số 3: Thủy lợi

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên. Tỷ lệ kiên cố hóa kênh mương loại III đạt $\geq 55\%$.

- Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tổng chiều dài kênh mương do xã quản lý: 14,295 km; trong đó số km kênh mương đã được kiên cố hóa là 8,649 km, đạt tỷ lệ 60,05%.

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động: 86% (573/666,34 ha).

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp được tiêu chủ động: 91,86% (1.307,64/1.423,52 ha).

- Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ:

+ Xã có tổ chức bộ máy thực hiện công tác phòng, chống thiên tai được thành lập và kiện toàn theo quy định của pháp luật, có nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu trong công tác phòng, chống thiên tai tại địa phương.

+ Các hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh trên địa bàn xã.

+ Xã có cơ sở hạ tầng thiết yếu đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai.

c) Đánh giá chung tiêu chí số 3 về Thủy lợi: **Đạt.**

2.4. Tiêu chí số 4: Điện

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Có hệ thống điện đạt chuẩn;

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn $\geq 98\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Hệ thống điện đạt chuẩn:
 - + Chiều dài đường dây trung áp 13,11 km, trong đó chiều dài đường dây đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện 13,11 km;
 - + Số lượng Trạm biến áp phân phối 14 trạm, với tổng dung lượng 1.750KVA. đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.
 - + Chiều dài đường dây hạ áp 23,8 km, trong đó chiều dài đường dây bảo đảm yêu cầu kỹ thuật của ngành điện 23,8 km;
 - + Tổng số công tơ hiện có: 2.398 công tơ, số công tơ đảm bảo yêu cầu kỹ thuật là 2.398 công tơ:
- Đánh giá: đạt tiêu chí theo quy định.
- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn là: Đạt 100% (2.351 khách hàng).

c) Đánh giá chung về tiêu chí Điện: **Đạt.**

2.5. Tiêu chí số 5: Trường học

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia từ 80% trở lên.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Trường Mầm non: Có 01 Trường Mầm non (gồm: 02 điểm Trường Trung tâm và Diên Niên) với 17 phòng học, phòng chức năng và phòng làm việc, có 206 học sinh. Hiện nay Trường đã được công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

- Trường tiểu học: Có 01 Trường Tiểu học (gồm: 02 điểm Trường Trung tâm và Diên Niên) với 18 phòng học, phòng chức năng và phòng làm việc, có 543 học sinh. Trường đạt chuẩn mức độ 1 vào năm 2008; năm 2018 trường đã được phân khai kinh phí được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị để được công nhận lại.

- Trường trung học cơ sở: Hiện tại trên địa bàn xã có 01 Trường THCS với 22 phòng học, phòng chức năng và phòng làm việc, có 340 học sinh. Trường đạt chuẩn mức độ 1 vào năm 2011; năm 2018 trường đã được phân khai kinh phí được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị để được công nhận lại.

(Hiện nay, UBND huyện đã có Tờ trình số 2474/TTr-UBND ngày 09/10/2018 đề nghị UBND tỉnh kiểm tra, công nhận lại các trường đạt chuẩn quốc gia sau 5 năm, trong đó: Có Trường Tiểu học và THCS Tịnh Sơn).

c) Đánh giá chung tiêu chí số 5 về Trường học: **Đạt.**

2.6. Tiêu chí số 6: Cơ sở vật chất văn hoá

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã.

- Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.

- Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Nhà Văn hoá và Khu thể thao xã:

+ Nhà văn hóa xã kết hợp hội trường đa năng của xã có diện tích trên $500m^2$ ($686,8 m^2$), với trên 200 chỗ ngồi và sân vận động xã tại thôn Tây diện tích $8.650 m^2$. Hiện tại 02 công trình đang triển khai thi công, dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2018.

+ Tổ chức bộ máy và hoạt động: Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã gồm Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm và các cộng tác viên. Ban Chủ nhiệm tổ chức các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao đảm bảo theo quy định.

- Xã có Khu văn hóa xã làm điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi tại khu vực trung tâm xã, đã được đầu tư một số trang thiết bị phục vụ sinh hoạt. Diện tích khu vực: $2.932 m^2$.

- Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng (yêu cầu $\geq 80\%$): Đạt 100%. Các thôn đều có quy hoạch địa điểm xây dựng nhà văn hóa, kết hợp sân thể thao phục vụ cộng đồng.

Hiện nay trên địa bàn xã có 05 thôn (theo quy hoạch nông thôn mới chỉ còn 04 thôn vì tách thôn Bình Thọ về Trung tâm huyện), hiện 04/04 thôn có nhà văn hóa (Diên Niên, An Thọ, thôn Tây, thôn Đông) đạt tiêu chuẩn về cơ sở vật chất và đảm bảo trang thiết bị phục vụ sinh hoạt cộng đồng.

Đối với thôn Bình Thọ nằm trong quy hoạch Trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh (mới) đã có nhà sinh hoạt văn hóa đạt tiêu chuẩn về cơ sở vật chất và đảm bảo trang thiết bị phục vụ sinh hoạt cộng đồng.

c) Đánh giá chung tiêu chí số 6 Cơ sở vật chất văn hoá: **Đạt**.

2.7. Tiêu chí số 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa (Xã có chợ theo quy hoạch đạt chuẩn theo quy định hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí: Có cửa hàng kinh doanh tổng hợp đạt chuẩn, cụ thể:

- Có bảng hiệu thể hiện tên cửa hàng kinh doanh tổng hợp thuộc Hộ kinh doanh Nguyễn Quang Ổn, địa chỉ: Đội 10 thôn Tây xã Tịnh Sơn huyện Sơn Tịnh và số điện thoại liên hệ với đại diện tổ chức quản lý: 0255.3690242.

- Có thời gian mở cửa phù hợp cho việc mua sắm hàng ngày của người dân.

- Có diện tích kinh doanh tối thiểu từ $50m^2$ trở lên và có nơi để xe với quy mô phù hợp.

- Danh mục hàng hóa kinh doanh từ 200 tên hàng trở lên.
- Có bố trí quầy hoặc khu vực phù hợp để trưng bày hoặc bán hàng hóa nông sản của địa phương.
- Công trình kiến trúc được xây dựng vững chắc, đảm bảo các yêu cầu phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh an toàn môi trường, an toàn, thuận tiện cho khách hàng.
- Có trang thiết bị cần thiết (tủ đông, tủ mát, kệ, giá...) để bảo quản hàng hóa và đáp ứng nhu cầu mua sắm của khách hàng.
- Tổ chức, bố trí hàng hóa một cách văn minh, khoa học thuận tiện cho khách hàng lựa chọn, mua sắm và thanh toán.
- Các hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp không thuộc danh mục cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật. Đối với các hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện phải đảm bảo đáp ứng theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Đánh giá chung tiêu chí số 7 Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: **Đạt.**

2.8. Tiêu chí số 8: Thông tin và Truyền thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Xã có điểm phục vụ bưu chính;
- Xã có dịch vụ viễn thông, internet;
- Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn;
- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Xã có dịch vụ bưu chính: Xã có bưu điện văn hóa xã phục vụ cho nhân dân đóng tại địa bàn thôn Đông. Cung cấp đa dịch vụ: Tem thư, báo chí, internet...

- Xã có dịch vụ viễn thông, internet: Có dịch vụ viễn thông, internet đã được phủ sóng trên địa bàn toàn xã.

- Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn: Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến 05 thôn, 24 xóm.

- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành:

+ Xã có trang bị máy vi tính và có kết nối mạng internet băng rộng trong các cơ quan Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND, Mặt trận, các Hội Đoàn thể nhằm phục vụ công tác của cán bộ, công chức.

+ Xã có sử dụng phần mềm eOffice liên thông với UBND cấp huyện; Xã có địa chỉ thư điện tử được UBND tỉnh cung cấp: tinhson@quangngai.gov.vn; cán bộ, công chức xã được cấp địa chỉ thư điện tử và biết sử dụng. Được hướng dẫn, biết và sử dụng thường xuyên phần mềm eOffice.

c) Đánh giá chung tiêu chí số 8 Bưu điện: **Đạt.**

2.9. Tiêu chí số 9: Nhà ở dân cư

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Trên địa bàn không còn hộ gia đình nhà tạm, dột nát.
- Tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định $\geq 80\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Hiện nay trên địa bàn xã Tịnh Sơn không còn nhà tạm, dột nát.
- Các hộ gia đình có nhà ở nông thôn đảm bảo 3 cứng, nhà ở đảm bảo diện tích ở tối thiểu phải đạt từ $14m^2$ /người trở lên, diện tích tối thiểu một căn nhà từ $24m^2$ trở lên và niên hạn sử dụng công trình nhà ở từ 20 năm trở lên: Có 2.232 hộ có nhà ở đạt yêu cầu. Tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định: $2.232/2.543$ hộ, đạt $87.77\% > 80\%$.

c) Đánh giá chung về tiêu chí Nhà ở dân cư: **Đạt.**

2.10. Tiêu chí số 10: Thu nhập

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Xã được công nhận đạt tiêu chí thu nhập khi có mức thu nhập bình quân đầu người/năm của xã (năm 2018) đạt mức tối thiểu 34 triệu đồng/người/năm.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Theo kết quả điều tra thu nhập bình quân đầu người năm 2018 đạt 35,57 triệu đồng/người/năm.

c) Đánh giá chung tiêu chí số 10 Thu nhập: **Đạt.**

2.11. Tiêu chí số 11: Hộ nghèo

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Xã được công nhận đạt tiêu chí hộ nghèo khi có Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016 - 2020 của xã ở dưới mức 5%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Tính đến tháng 9/2018, xã Tịnh Sơn có 74 hộ nghèo; trong đó hộ nghèo thuộc diện bảo trợ xã hội là 35 hộ.

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều xã Tịnh Sơn sau khi trừ số hộ nghèo bảo trợ xã hội là $31/2.508$ hộ, tỷ lệ 1,55%. (Trên địa bàn xã có 2.543 hộ).

c) Đánh giá chung tiêu chí số 11 Hộ nghèo: **Đạt.**

2.12. Tiêu chí số 12: Lao động có việc làm

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động đạt từ 90% trở lên.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động của xã Tịnh Sơn là $5.886/6.200$ người, chiếm tỷ lệ 94,9%.

c) Đánh giá chung tiêu chí số 12 Lao động có việc làm: **Đạt.**

2.13. Tiêu chí số 13: Tổ chức sản xuất

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác 2012.
- Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Hình thức tổ chức sản xuất: HTX Dịch vụ nông nghiệp Tịnh Sơn đã chuyển đổi và hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012, đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký HTX ngày 08/5/2018 (thay đổi lần 3).

- Hoạt động sản xuất kinh doanh:

+ Thực hiện chuyên đổi theo Luật Hợp tác xã năm 2012: đăng ký tổ chức hoạt động các dịch vụ như: Thủy lợi, cung ứng vật tư nông nghiệp, khuyến nông IPM, sản xuất và cung ứng giống cây trồng, làm đất và thu hoạch lúa, ươm giống và khai thác cây lâm nghiệp. ...

+ Báo cáo thanh quyết toán tài chính:

Năm 2016: Doanh thu 1.083 triệu đồng, chi phí sản xuất 960.65 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế 122,35 triệu đồng.

Năm 2017: Doanh thu 699.72 triệu đồng, chi phí sản xuất 664.41 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế 35.31 triệu đồng.

- Hợp đồng liên kết với doanh nghiệp: Hợp tác xã có hợp đồng liên kết sản xuất - bao tiêu hạt giống lúa thuần với Công ty TNHH Trung tâm giống tỉnh Quảng Ngãi.

c) Đánh giá chung tiêu chí số 13 Tổ chức sản xuất: **Đạt.**

2.14. Tiêu chí số 14: Giáo dục và Đào tạo

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở;

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) $\geq 85\%$

- Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo $\geq 40\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở: **Đạt.**

+ Xã được công nhận đơn vị duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi tại Quyết định số 1913/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 của UBND huyện Sơn Tịnh.

+ Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi tại Quyết định số 4758/QĐ-UBND ngày 16/12/2017 của UBND huyện Sơn Tịnh.

+ Phổ cập giáo dục trung học cơ sở theo Quyết định số 4757/QĐ-UBND ngày 16/12/2017 của UBND huyện Sơn Tịnh.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề): 65/76, đạt 85,5% (trong đó: học THPT 54 em, học nghề 11 em).

- Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo: 3.291/5.886 người, đạt 55,91%.

c) Đánh giá chung tiêu chí số 14 Giáo dục và Đào tạo: **Đạt**.

2.15. Tiêu chí số 15: Y tế

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế $\geq 85\%$;

- Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế;

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) $\leq 24,2\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt tỷ lệ: 86,44% (7.948/9.195 người).

- Xã đã được UBND tỉnh công nhận xã đạt chuẩn quốc gia về y tế vào năm 2016, tại Quyết định số 2226/QĐ-UBND ngày 11/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi): 16,6%.

c) Đánh giá chung tiêu chí số 15 Y tế: **Đạt**.

2.16. Tiêu chí số 16: Văn hoá

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định $\geq 70\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Có 04/05 thôn được công nhận lại danh hiệu "Thôn văn hoá" liên tục 5 năm (2011 - 2015) tại Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 07/01/2016 của Chủ tịch UBND huyện Sơn Tịnh.

- Xã được công nhận đạt chuẩn xã văn hóa nông thôn mới tại Quyết định 4239/QĐ-UBND ngày 06/10/2014 của Chủ tịch UBND huyện Sơn Tịnh.

c) Đánh giá chung tiêu chí số 16 Văn hoá: **Đạt**.

2.17. Tiêu chí số 17: Môi trường và an toàn thực phẩm

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định: $\geq 95\%$, ($\geq 60\%$ nước sạch);

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: 100%;

- Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn;

- Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch;

+ Việc mai táng phải phù hợp với tín ngưỡng, phong tục tập quán tốt, truyền thống văn hóa và nếp sống văn minh hiện đại nhưng phải bảo đảm an toàn, an ninh và vệ sinh môi trường theo quy định.

+ Có quy hoạch xây dựng nghĩa trang lâu dài phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, tập quán của địa phương và được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Xây dựng quy chế về quản lý, sử dụng nghĩa trang theo quy định.

- Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định;

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch: $\geq 85\%$;

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường: $\geq 75\%$;

- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: 100%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định: đạt tỷ lệ $> 95\%$; trong đó: $\geq 60\%$ nước sạch;

- Tỷ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về môi trường: Đạt 100%.

+ 40/40 cơ sở có hồ sơ môi trường được huyện, tỉnh phê duyệt; các cơ sở thực hiện đúng theo quy định về thu gom, xử lý chất thải rắn, nước thải và khí thải.

+ 08/08 cơ sở nuôi cá lồng với diện tích nuôi nhỏ hơn 5.000 m² đã có cam kết với xã.

- Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn: Đạt.

+ Tỷ lệ diện tích cây xanh nơi công cộng đạt 6,3 m²/người.

+ Tỷ lệ hộ dân thực hiện cải tạo, chỉnh trang hàng rào, cổng ngõ: đạt 90%.

+ Khu vực công cộng không có hiện tượng xả nước thải, chất thải rắn gây mất mỹ quan và ô nhiễm môi trường.

- Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch: Đạt.

+ Có nghĩa trang Gò Mã Đổ đã được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 3917/QĐ-UBND ngày 31/10/2017.

+ Có quy chế quản lý và sử dụng nghĩa trang.

- Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định: Đạt.

+ Về nước thải: Không có hiện tượng ngập úng, ứ đọng nước thải, nước mưa tại các khu dân cư tập trung.

+ Về chất thải rắn: Bao bì thuốc BVTV được thu gom vào các bi đặt sẵn và nông dân định xử lý bao bì thuốc BVTV. Hợp đồng với Công ty CP Điện và Môi trường thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt.

- + 5/5 thôn có quy ước chung được UBND huyện phê duyệt.
- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đều đạt $\geq 85\%$.
- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 100%:
 - + Tỷ lệ hộ chăn nuôi đảm bảo các điều kiện vệ sinh môi trường đạt 100%.
 - + Có 01 hộ còn phát sinh mùi và đang khắc phục: Đạt 100%.
 - + Có 02 trang trại đã lập báo cáo đánh giá tác động môi trường được tỉnh phê duyệt: 02 gia trại có diện tích chuồng $< 50m^2$, đã có cam kết với huyện; 952/952 hộ chăn nuôi có diện tích chuồng nhỏ hơn $50m^2$ và đã cam kết bảo vệ môi trường với xã.
- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%.

c) Đánh giá chung tiêu chí số 17 Môi trường và an toàn thực phẩm: **Đạt**.

2.18. Tiêu chí số 18: Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- 100% cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định.
- Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.
- Đang bộ, chỉnh quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh".
- Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên.
- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.
- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- 10/10 cán bộ và 11/11 công chức của xã đạt chuẩn theo quy định.
- Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định như: Tổ chức Đảng, Chính quyền và Đoàn thể chính trị xã hội: Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên CSHCM, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh xã.
- Đang bộ, chỉnh quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh" năm 2018.
- Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của xã đều được công nhận đạt danh hiệu tiên tiến trở lên.
- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định đã được UBND huyện Sơn Tịnh phê duyệt tại Quyết định số 4487/QĐ-UBND ngày 19/9/2018.
- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội: Đạt.

+ Có ít nhất 01 nữ lãnh đạo của xã: Có 01 nữ lãnh đạo là Phó Chủ tịch HĐND xã.

- + Có 100% phụ nữ thuộc hộ nghèo được vay vốn ưu đãi.
 - + Không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn.
 - + Hàng tháng 02 chuyên mục tuyên truyền về bình đẳng giới trên hệ thống truyền thanh của xã.
 - + Có 05 mô hình địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh cho các nạn nhân bị bạo lực giới và bạo lực gia đình tại các thôn trên địa bàn xã.
- c) Đánh giá chung tiêu chí số 18 Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật:

Đạt.

2.19. Tiêu chí số 19: Quốc phòng và an ninh

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.
- Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

* **Nội dung 1:** Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng (đạt).

- Xây dựng Ban chỉ huy quân sự và dân quân xã: Đạt.

+ Số lượng cán bộ theo quy định của pháp luật: Chỉ huy trưởng, hiện nay là thành viên Ủy ban nhân xã; Chỉ huy phó, Chính trị viên, Chính trị viên phó, hiện nay là cán bộ kiêm nhiệm; Trình độ chuyên môn: Chỉ huy trưởng được đào tạo trung cấp chuyên nghiệp ngành quân sự cơ sở. Chỉ huy phó, đã xây dựng nhân sự để cho đi đào tạo đảm bảo theo quy định. Hàng năm chỉ huy trưởng, chỉ huy phó tham gia tập huấn, bồi dưỡng về chính trị, quân sự, pháp luật và nghiệp vụ chuyên môn (đạt).

+ Nơi làm việc của Ban chỉ huy quân sự xã: Ban CHQS xã có nơi làm việc và trang thiết bị theo quy định của pháp luật; Cán bộ Chỉ huy trưởng Ban CHQS xã hưởng phụ cấp quản lý đơn vị, phụ cấp thâm niên, chỉ huy phó được hưởng phụ cấp quản lý đơn vị (đạt).

+ Chất lượng chính trị: Tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân nông cốt đạt 22,05% (27/127 đồng chí) so với tổng dân quân; hoàn thành chỉ tiêu phát triển đảng viên mới trong dân quân theo quy định (đạt).

+ Thôn đội trưởng, trung đội trưởng dân quân cơ động là Đảng viên (đạt).

- Xây dựng lực lượng dân quân “Vững mạnh, rộng khắp”: Đạt.

+ Tổ chức xây dựng lực lượng, biên chế, trang bị: Tổ chức biên chế đơn vị dân quân theo quy định. Ban CHQS xã tham mưu cho UBND xã tổ chức lễ kết nạp dân quân mới và trao quyết định công nhận dân quân nông cốt đã hoàn thành nhiệm vụ. Trang bị, quản lý vũ khí sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ của dân quân đúng quy định (đạt).

+ Huấn luyện: Dân quân được giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự theo nội dung, thời gian, chương trình quy định tại Thông tư 02/2016/TT-BQP ngày 08/01/2016 của Bộ Quốc phòng (đạt).

+Hoạt động: Thực hiện theo Nghị định số 133/2015/NĐ-CP ngày 28/12/2015 của Chính phủ và Quyết định số 3243/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 của UBND huyện Sơn Tịnh về việc ban hành quy chế phối hợp của DQTV với các lực lượng trong hoạt động bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở; bao vệ phòng chống cháy rừng. Lực lượng dân quân phối hợp với các lực lượng, trong những năm qua đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn (đạt).

- Hoàn thành các chỉ tiêu về quốc phòng: Đạt.

+ Thực hiện xây dựng các kế hoạch theo quy định tại Thông tư 108/2016/TT-BQP ngày 16/7/2016 của Bộ Quốc phòng: Đã xây dựng xong 23/23 văn kiện, đạt 100%.

+ Tuyên truyền vận động và triển khai thực hiện tốt công tác tuyển quân: hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ theo chỉ tiêu Chủ tịch UBND cấp huyện giao, không có quân nhân bỏ ngũ, tước quân tịch trả về địa phương.

+ 100% quân nhân hoàn thành nhiệm vụ ở đơn vị thường trực về địa phương được đăng quân dự bị và được quản lý chặt chẽ.

+ Phương tiện kỹ thuật được đăng ký, quản lý chặt chẽ theo chỉ tiêu cấp trên giao, sẵn sàng động viên khi có lệnh.

+ Tổ chức tốt tình tự, thủ tục công tác đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ, công dân nam trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ, đăng ký nghĩa vụ quân sự và lập danh sách báo cáo Ban CHQS huyện theo đúng quy định của pháp luật.

+ Xây dựng lực lượng dân quân nòng cốt vào đội xung kích trong thực hiện nhiệm vụ phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đảm bảo đúng theo quy định.

+ Chủ trì phối hợp thực hiện đảm bảo có hiệu quả công tác quốc phòng, quân sự theo sự lãnh đạo, chỉ đạo Đảng ủy, và chỉ thị, mệnh lệnh, hướng dẫn của ban CHQS huyện.

+ Phối hợp thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục quốc phòng, an ninh cho lực lượng vũ trang và nhân dân, công tác vận động quần chúng, công tác chính sách hậu phương quân đội đảm bảo; tổ chức cho dân quân, dự bị động viên tham gia xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện trên địa bàn xã.

* Nội dung 2: Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.

- Hàng năm Đảng ủy xã có Nghị quyết, UBND xã có kế hoạch về công tác đảm bảo ANTT; tổ chức xây dựng có hiệu quả mô hình bảo vệ ANTT ở cơ sở.

- Trên địa bàn xã không xảy ra các vụ việc khiếu nại đông người kéo dài; khiếu nại vượt cấp trái pháp luật gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội.

- Không có vụ án hình sự về tội phạm quy định tại các điều 93, 95, 96 và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại các Điều 104, 111, 112, 113, 114, 133, 134, 135 (*Bộ luật hình sự năm 1999; sửa đổi bổ sung năm 2009*) xảy ra.

- Từ đầu năm 2018 đến nay các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên địa bàn xã Tịnh Sơn cơ bản được kiềm chế và giảm hơn so với năm 2017.

- Xã Tịnh Sơn được công nhận đạt tiêu chuẩn An toàn về ANTT; không thuộc diện xã trọng điểm phức tạp về an ninh, trật tự.

- Công an xã năm 2018 được công nhận danh hiệu Đơn vị tiên tiến.

c) Đánh giá chung tiêu chí số 19 Quốc phòng và an ninh: **Đạt.**

(Chi tiết có biểu tổng hợp kèm theo)

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới:

Đối với danh mục công trình đã được quyết toán, đến nay xã Tịnh Sơn không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

II. KẾT LUẬN:

1. Về hồ sơ: Đảm bảo yêu cầu theo quy định.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới:

Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã Tịnh Sơn, đã được UBND huyện Sơn Tịnh thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới là: 19/19 tiêu chí.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới:

Đối với danh mục công trình đã được quyết toán, đến nay xã Tịnh Sơn không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

III. KIẾN NGHỊ:

Kính đề nghị UBND tỉnh Quảng Ngãi xét, công nhận xã Tịnh Sơn đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2018./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- VPĐP CT MTQG XD NTM tỉnh;
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các thành viên BCĐ Chương trình MTQG XD NTM huyện;
- VPĐP CT MTQG XD NTM huyện;
- UBND xã Tịnh Sơn;
- CVP, các PVP (KT, TH);
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Đông

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THĂM TRA CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI NĂM 2018
CỦA XÃ TỊNH SƠN, HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /2018 của UBND huyện Sơn Tịnh)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt ở cấp	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
I QUY HOẠCH					
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt	Đạt chuẩn
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch		Đạt	Đạt chuẩn
II HẠ TẦNG KINH TẾ XÃ HỘI					
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	Cứng hóa 100% (trong đó nhựa hóa, bê tông hóa $\geq 90\%$)	100%	Đạt chuẩn
		2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	cứng hóa $\geq 70\%$	98,21%	Đạt chuẩn
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	cứng hóa $\geq 70\%$	80,41%	Đạt chuẩn
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	cứng hóa $\geq 70\%$	85,21%	Đạt chuẩn
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên (Tỷ lệ kiên cố hóa kênh mương loại III đạt $\geq 55\%$; diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt $\geq 80\%$)	Đạt	Đạt (KCH 60,05%; DT tưới, tiêu >80%)	Đạt chuẩn
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	Đạt	Đạt chuẩn
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt chuẩn
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn $\geq 98\%$	$\geq 98\%$	100%	Đạt chuẩn

5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia $\geq 80\%$	$\geq 80\%$	100%	Đạt chuẩn
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã (<i>Nhà Văn hóa hoá hoặc hội trường đa năng: diện tích $\geq 500m^2$; $\geq 200m^2$ chỗ ngồi; Khu thể vận động): $\geq 2000m^2$)</i>	Đạt	Đạt	Đạt chuẩn
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Có	Có	Đạt chuẩn
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	100%	Đạt chuẩn
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa (xã có chợ theo quy hoạch đạt chuẩn theo quy định hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa)	Có	Có	Đạt chuẩn
8	Thông tin và truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Có	Có	Đạt chuẩn
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Có	Có	Đạt chuẩn
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Có	Có	Đạt chuẩn
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Có	Có	Đạt chuẩn
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, nhà dột nát	Không	Không	Đạt chuẩn
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	$\geq 80\%$	87,77%	Đạt chuẩn
III KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT					
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2017	Năm 2018: 34 tr.đồng/người/năm	35,57 triệu đồng	Đạt chuẩn
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016 - 2020	$\leq 5\%$	1,55%	Đạt chuẩn
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	$\geq 90\%$	94,90%	Đạt chuẩn
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác 2012	Đạt	Đạt	Đạt chuẩn
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	Đạt	Đạt chuẩn

IV	VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG				
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt	Đạt	Đạt chuẩn
14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) $\geq 85\%$		$\geq 85\%$	85,5%	Đạt chuẩn	
14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo $\geq 40\%$		$\geq 40\%$	55,9%	Đạt chuẩn	
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế $\geq 85\%$	$\geq 85\%$	86,41%	Đạt chuẩn
15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế		Đạt	Đạt	Đạt chuẩn	
15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo môi) $\leq 24,2\%$		$\leq 24,2\%$	16,6%	Đạt chuẩn	
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định $\geq 70\%$	$\geq 70\%$	$\geq 70\%$	Đạt chuẩn
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định $\geq 95\%$ ($\geq 60\%$ nước sạch)	$\geq 95\%$ ($\geq 60\%$ nước sạch)	$\geq 95\%$ ($\geq 60\%$ nước sạch)	Đạt chuẩn
17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường 100%		100%	Đạt	Đạt chuẩn	
17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn		Đạt	Đạt	Đạt chuẩn	
17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch: - Việc mai táng phải phù hợp với tín ngưỡng, phong tục tập quán tốt, truyền thống văn hóa và nếp sống văn minh hiện đại nhưng phải bảo đảm an toàn, an ninh và vệ sinh môi trường theo quy định. - Có quy hoạch xây dựng nghĩa trang lâu dài phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, tập quán của địa phương và được cấp có thẩm quyền phê duyệt; - Xây dựng quy chế về quản lý, sử dụng nghĩa trang theo quy định.		Đạt	Đạt	Đạt chuẩn	
17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định		Đạt	Đạt	Đạt chuẩn	
17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch $\geq 85\%$		$\geq 85\%$	$\geq 85\%$	Đạt chuẩn	
17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường $\geq 75\%$		$\geq 75\%$	100%	Đạt chuẩn	

		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm 100%	100%	Đạt	Đạt chuẩn
V	HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ				
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt chuẩn
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt chuẩn
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Đạt	Đạt	Đạt chuẩn
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên 100%	Đạt	Đạt	Đạt chuẩn
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt chuẩn
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt	Đạt chuẩn
19	Quốc phòng và an ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt chuẩn
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không dễ xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Đạt	Đạt	Đạt chuẩn

Dự thảo

BÁO CÁO

**Thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn
nông thôn mới của xã Tịnh Trà năm 2018**

(Theo Mẫu số 17 - Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016
của Thủ tướng Chính phủ)

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Bộ tiêu chí của tỉnh Quảng Ngãi về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ hồ sơ và kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã Tịnh Trà, UBND huyện Sơn Tinh báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã Tịnh Trà năm 2018, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA:

Thời gian thẩm tra: Ngày 19/10/2018.

1. Về hồ sơ:

- Tờ trình của UBND xã Tịnh Trà về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018;

- Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Tịnh Trà (kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới);

- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội của xã và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã;

- Biên bản cuộc họp của xã Tịnh Trà (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo xã, Ban Quản lý xã, các Ban Phát triển thôn) đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018;

- Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Tịnh Trà;
- Hình ảnh minh họa về kết quả xây dựng nông thôn mới của xã Tịnh Trà (xã xây dựng video trình chiếu).

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới:

2.1. Tiêu chí số 1: Quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí :

- Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công khai đúng thời hạn.

- Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Tịnh Trà giai đoạn 2011-2015 định hướng đến năm 2020 được Chủ tịch UBND huyện Sơn Tịnh phê duyệt tại Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 14/12/2011.

- Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch nông thôn mới xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020 được UBND huyện Sơn Tịnh phê duyệt tại Quyết định số 3862/QĐ-UBND ngày 9/9/2014.

- Công tác quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã đảm bảo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với ứng phó biến đổi khí hậu; tập trung định hướng, xây dựng mô hình, đẩy mạnh chuyển giao ứng dụng khoa học kỹ thuật trên cây trồng chủ lực, theo hướng hình thành các vùng sản xuất chuyên canh gắn với thị trường.

c) Đánh giá chung tiêu chí số 1 về Quy hoạch: **Đạt**.

2.2. Tiêu chí số 2: Giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm. Đảm bảo quy mô kỹ thuật đạt tiêu chuẩn đường cấp A hoặc B (theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải); cứng hóa 100% (trong đó nhựa hóa, bê tông hóa $\geq 90\%$).

- Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm. Đảm bảo quy mô kỹ thuật đạt tiêu chuẩn đường cấp C (theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải); cứng hóa $\geq 70\%$.

- Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa. Đảm bảo quy mô kỹ thuật đạt tiêu chuẩn đường cấp D (theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải); cứng hóa $\geq 70\%$.

- Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm. Đảm bảo quy mô kỹ thuật đạt tiêu chuẩn đường cấp D (theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải); cứng hóa $\geq 70\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: Đến nay đã cứng hóa 8,2/8,2 km, đạt 100% > 90%. Đánh giá: Đạt.

- Đường trục thôn và liên thôn ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: Đến nay đã cứng hóa 9,58/10,6 km, đạt 90,42% > 70%. Đánh giá: Đạt.

- Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa: Đến nay đã cứng hóa 5,15/7,26 km, đạt 70,94% > 70%. Đánh giá: Đạt.

- Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm: Đến nay đã thực hiện cứng hóa được 7,997/10,57 km, đạt 75,66% > 70%. Đánh giá: Đạt.

c) Đánh giá chung tiêu chí số 2 về Giao thông: **Đạt**.

2.3. Tiêu chí số 3: Thủy lợi

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên. Tỷ lệ kiên cố hóa kênh mương loại III đạt $\geq 55\%$.

- Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tổng chiều dài kênh mương do xã quản lý: 24,4 km; trong đó số km kênh mương đã được kiên cố hóa là 17,98 km, đạt tỷ lệ 73,7%.

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động: 82,3% (648/787,82 ha).

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp được tiêu chủ động: 92% (1.973,4/2.144,96 ha).

- Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ:

+ Xã có tổ chức bộ máy thực hiện công tác phòng, chống thiên tai được thành lập và kiện toàn theo quy định của pháp luật, có nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu trong công tác phòng, chống thiên tai tại địa phương.

+ Các hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh trên địa bàn xã.

+ Xã có cơ sở hạ tầng thiết yếu đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai.

c) Đánh giá chung tiêu chí số 3 về Thủy lợi: **Đạt**.

2.4. Tiêu chí số 4: Điện

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Có hệ thống điện đạt chuẩn;

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn $\geq 98\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Hệ thống điện đạt chuẩn:

+ Chiều dài đường dây trung áp 10,6 km, trong đó chiều dài đường dây đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện 10,6 km;

+ Số lượng Trạm biến áp phân phối 08 trạm, với tổng dung lượng 1.750KVA, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.

+ Chiều dài đường dây hạ áp 23,8 km, trong đó chiều dài đường dây bảo đảm yêu cầu kỹ thuật của ngành điện 23,8 km;

+ Tổng số công tơ hiện có: 1.600 công tơ, số công tơ đảm bảo yêu cầu kỹ thuật là 1.600 công tơ;

Đánh giá: đạt tiêu chí theo quy định.

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn là: Đạt 100% (1.544 khách hàng).

c) Đánh giá chung về tiêu chí Điện: **Đạt**.

2.5. Tiêu chí số 5: Trường học

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia từ 80% trở lên.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Trường Mầm non: có 01 điểm Trường mầm non được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia tại Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 19/01/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc công nhận Trường Mầm non Tịnh Trà. Hiện nay UBND huyện đã có chủ trương xây dựng nhà hiệu bộ 6 phòng, 2 tầng; dự kiến hoàn thành trong năm 2019.

- Trường Tiểu học: Trường Tiểu học xã Tịnh Trà đã đạt chuẩn quốc gia và đã được công nhận tại Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 15/3/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

- Trường Trung học cơ sở: Trường Trung học cơ sở xã Tịnh Trà đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia tại Quyết định số 833/QĐ-UBND ngày 21/5/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

(Hiện nay, UBND huyện đã có Tờ trình số 2474/TTr-UBND ngày 09/10/2018 đề nghị UBND tỉnh kiểm tra, công nhận lại các trường đạt chuẩn quốc gia sau 5 năm, trong đó: Có trường MN, Tiểu học và THCS Tịnh Trà).

c) Đánh giá chung tiêu chí số 5 về Trường học: **Đạt**.

6. Tiêu chí số 6: Cơ sở vật chất văn hoá

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã.

- Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.

- Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Nhà Văn hoá và Khu thể thao xã:

+ Nhà văn hóa xã được xây dựng 01 tầng, diện tích xây dựng 672,2 m². Được trang bị đầy đủ thiết bị âm thanh, ánh sáng, bàn ghế...; có nội quy, quy chế hoạt động.

+ Tổ chức bộ máy và hoạt động: Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã gồm Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm và các cộng tác viên. Ban Chủ nhiệm tổ chức các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao đảm bảo theo quy định.

+ Khu thể thao xã: Được đầu tư xây dựng với diện tích 10.000 m² với các công trình như: Tường rào, cổng ngõ, khán đài, sân bóng đá.

- Trên địa bàn xã có điểm vui chơi, giải trí dành cho trẻ em và người cao tuổi với không gian rộng trên 1.000 m².

- Nhà Văn hoá và Khu thể thao thôn:

+ 04/04 thôn có điểm sinh hoạt nhà văn hóa phục vụ cộng đồng.

+ Khu thể thao thôn: có 04/04 thôn có khu thể thao thôn.

c) Đánh giá chung tiêu chí số 6 Cơ sở vật chất văn hoá: **Đạt**.

7. Tiêu chí số 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa (Xã có chợ theo quy hoạch đạt chuẩn theo quy định hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí: Có cửa hàng kinh doanh tổng hợp đạt chuẩn, cụ thể:

- Về diện tích, mặt bằng xây dựng chợ: Chợ Đồng Quán, xã Tịnh Trà là chợ hạng 3, có diện tích 2.825 m²; có bố trí đủ diện tích tối thiểu cho một điểm kinh doanh trong chợ là 3 m². Đánh giá: Đạt.

- Về kết cấu nhà chợ chính: Chợ được xây dựng bán kiên cố từ năm 2014 với kinh phí 03 tỷ đồng, diện tích xây dựng 397,78 m². Đánh giá: Đạt.

- Về yêu cầu đối với các bộ phận phụ trợ và kỹ thuật công trình: Đạt

+ Có bảng hiệu thể hiện tên chợ, địa chỉ và số điện thoại liên hệ với đại diện tổ chức quản lý chợ.

+ Nền chợ được bê tông hóa.

+ Có khu vệ sinh bố trí nam, nữ riêng; diện tích xây dựng 16 m².

+ Có bố trí địa điểm hoặc phương án trông giữ xe (ngoài trời hoặc mái che) phù hợp với lưu lượng người vào chợ, bảo đảm trật tự, an toàn cho khách.

+ Khu bán thực phẩm tươi sống, khu dịch vụ ăn uống được bố trí riêng, bảo đảm điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm.

+ Có nước sạch, nước hợp vệ sinh bảo đảm cho hoạt động của chợ.

+ Có phương án và hệ thống cấp điện theo quy định bảo đảm cho hoạt động của chợ.

+ Có khu thu gom rác và xử lý rác trong ngày: UBND xã Tịnh Trà hợp đồng với Công ty CP điện và môi trường huyện Sơn Tịnh vận chuyển rác về khu xử lý tập trung của huyện.

+ Có hệ thống rãnh thoát nước bảo đảm thông thoáng và dễ dàng thông tắc.

+ Có thiết bị và phương án bảo đảm phòng cháy, chữa cháy cho chợ theo quy định.

- Về điều hành quản lý chợ: Đạt

+ Tổ chức quản lý: UBND xã Tịnh Trà đã thành lập Ban Quản lý chợ Đồng Quán tại Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 10/9/2018.

+ Nội quy chợ: UBND xã Tịnh Trà phê duyệt tại Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 21/01/2015.

+ Có cân đối chứng 15 kg, thiết bị đo lường để người tiêu dùng tự kiểm tra về số lượng, khối lượng hàng hóa.

+ Các hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại chợ không thuộc danh mục cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật. Đối với các hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện phải đảm bảo đáp ứng theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Đánh giá chung tiêu chí số 7 Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: **Đạt**.

8. Tiêu chí số 8: Thông tin và Truyền thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Xã có điểm phục vụ bưu chính;

- Xã có dịch vụ viễn thông, internet;

- Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn;

- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Bưu điện văn hóa xã Tịnh Trà cung cấp đa dịch vụ: Tem thư, báo chí, internet...

- Trên toàn xã hiện Internet đã được phủ khắp 04 thôn.

- Có đài truyền thanh và hệ thống loa đến 04/04 thôn.

- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành:

+ Xã có trang bị máy vi tính và có kết nối mạng internet băng rộng trong các cơ quan Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND, Mặt trận, các Hội Đoàn thể nhằm phục vụ công tác của cán bộ, công chức.

+ Xã có sử dụng phần mềm eOffice liên thông với UBND cấp huyện; Xã có địa chỉ thư điện tử được UBND tỉnh cung cấp: tinhtra@quangngai.gov.vn; cán bộ, công chức xã được cấp địa chỉ thư điện tử và biết sử dụng. Được hướng dẫn, biết và sử dụng thường xuyên phần mềm eOffice.

c) Đánh giá chung tiêu chí số 8 Bưu điện: **Đạt**.

9. Tiêu chí số 9: Nhà ở dân cư

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Trên địa bàn không còn hộ gia đình nhà tạm, dột nát.
- Tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định $\geq 80\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Hiện nay trên địa bàn xã Tịnh Trà không còn nhà tạm, dột nát.
- Các hộ gia đình có nhà ở nông thôn đảm bảo 3 cứng, nhà ở đảm bảo diện tích ở tối thiểu phải đạt từ $14m^2$ /người trở lên, diện tích tối thiểu một căn nhà từ $24m^2$ trở lên và niên hạn sử dụng công trình nhà ở từ 20 năm trở lên: Có 1.365 hộ có nhà ở đạt yêu cầu. Tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định: $1.365/1.430$ hộ, đạt $95,4\% > 80\%$.

c) Đánh giá chung về tiêu chí Nhà ở dân cư: **Đạt.**

10. Tiêu chí số 10: Thu nhập

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Xã được công nhận đạt tiêu chí thu nhập khi có mức thu nhập bình quân đầu người/năm của xã (năm 2018) đạt mức tối thiểu 34 triệu đồng/người/năm.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Theo kết quả điều tra thu nhập bình quân đầu người năm 2018 đạt 35,14 triệu đồng/người/năm.

c) Đánh giá chung tiêu chí số 10 Thu nhập: **Đạt.**

11. Tiêu chí số 11: Hộ nghèo

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Xã được công nhận đạt tiêu chí hộ nghèo khi có Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016 - 2020 của xã ở dưới mức 5%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Tính đến tháng 9/2018, xã Tịnh Trà có 51 hộ nghèo; trong đó hộ nghèo thuộc diện bảo trợ xã hội là 39 hộ.

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều xã Tịnh Trà sau khi trừ số hộ nghèo bảo trợ xã hội là $12/1.391$ hộ, tỷ lệ 0,86%. (Trên địa bàn xã có 1.430 hộ).

c) Đánh giá chung tiêu chí số 11 Hộ nghèo: **Đạt.**

12. Tiêu chí số 12: Lao động có việc làm

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động đạt từ 90% trở lên.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động của xã Tịnh Trà là $3.157/3.420$ người, chiếm tỷ lệ 92,3%.

c) Đánh giá chung tiêu chí số 12 Lao động có việc làm: **Đạt.**

13. Tiêu chí số 13: Tổ chức sản xuất

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác 2012.

- Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Hình thức tổ chức sản xuất: HTX Dịch vụ nông nghiệp Tịnh Trà đã chuyển đổi và hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012, đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký HTX ngày 03/07/2015.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh:

+ Thực hiện chuyển đổi theo Luật Hợp tác xã năm 2012, đã tổ chức thực hiện được 07 loại hình dịch vụ.

+ Báo cáo thanh quyết toán tài chính:

Năm 2016: Doanh thu: 3.609 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế: 27,9 triệu đồng.

Năm 2017: Doanh thu: 3.316,4 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế: 0,85 triệu đồng.

+ Hợp đồng liên kết với doanh nghiệp: Hợp tác xã có hợp đồng liên kết sản xuất - bao tiêu hạt giống lúa thuần với Công ty TNHH giống cây trồng Tiền Hải và Công ty cổ phần giống cây trồng Kiến Xương.

c) Đánh giá chung tiêu chí số 13 Tổ chức sản xuất: **Đạt.**

14. Tiêu chí số 14: Giáo dục và Đào tạo

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở;

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) $\geq 85\%$

- Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo $\geq 40\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở: Đạt.

+ Xã được công nhận đơn vị duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi tại Quyết định số 1913/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 của UBND huyện Sơn Tịnh.

+ Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi tại Quyết định số 4758/QĐ-UBND ngày 16/12/2017 của UBND huyện Sơn Tịnh.

+ Phổ cập giáo dục trung học cơ sở theo Quyết định số 4757/QĐ-UBND ngày 16/12/2017 của UBND huyện Sơn Tịnh.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề, trung cấp): 75/79, đạt 94,9%.

- Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo: 1.368/3.157 người, đạt 43,3%.

c) Đánh giá chung tiêu chí số 14 Giáo dục và Đào tạo: **Đạt.**

15. Tiêu chí số 15: Y tế

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế $\geq 85\%$;
- Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế;
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) $\leq 24,2\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt tỷ lệ: $85,74\%$ (4.851/ 5.658 người).

- Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế theo kết quả kiểm tra đánh giá của Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi): $16,1\%$.

c) Đánh giá chung tiêu chí số 15 Y tế: **Đạt.**

16. Tiêu chí số 16: Văn hoá

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định $\geq 70\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Có 4/4 thôn được công nhận lại danh hiệu “Thôn văn hoá” liên tục 5 năm (2011-2015) tại Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 07/01/2016 của Chủ tịch UBND huyện Sơn Tịnh.

- Xã được công nhận lại đạt chuẩn xã văn hóa nông thôn mới tại Quyết định 5175/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của Chủ tịch UBND huyện Sơn Tịnh.

c) Đánh giá chung tiêu chí số 16 Văn hoá: **Đạt.**

17. Tiêu chí số 17: Môi trường và an toàn thực phẩm

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định: $\geq 95\%$, ($\geq 60\%$ nước sạch);

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: 100% ;

- Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn;

- Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch:

+ Việc mai táng phải phù hợp với tín ngưỡng, phong tục tập quán tốt, truyền thống văn hóa và nếp sống văn minh hiện đại nhưng phải bảo đảm an toàn, an ninh và vệ sinh môi trường theo quy định.

+ Có quy hoạch xây dựng nghĩa trang lâu dài phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, tập quán của địa phương và được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Xây dựng quy chế về quản lý, sử dụng nghĩa trang theo quy định.

- Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định;

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch: $\geq 85\%$;

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường: $\geq 75\%$;

- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: 100%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định: đạt tỷ lệ $> 95\%$ (trong đó: $\geq 60\%$ nước sạch).

Hiện nay, đang khắc phục lại các công trình cấp nước sinh hoạt tại 02 thôn Phú Thành và Trà Bình để phục vụ nhân dân đảm bảo theo quy định.

- Cơ sở sản xuất kinh doanh: Tỷ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường đạt 100% (6/6 cơ sở có hồ sơ môi trường được huyện, tỉnh phê duyệt).

- Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn: Đạt.

+ Tỷ lệ diện tích cây xanh nơi công cộng đạt $7,2 \text{ m}^2/\text{người}$.

+ Tỷ lệ hộ dân thực hiện cải tạo, chỉnh trang hàng rào, cổng ngõ: đạt 90%.

+ Khu vực công cộng không có hiện tượng xả nước thải, chất thải rắn gây mất mỹ quan và ô nhiễm môi trường.

- Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch: Đạt.

+ Có nghĩa trang núi Rừng Đình đã được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 4283/QĐ-UBND ngày 13/10/2014.

+ Có quy chế quản lý và sử dụng nghĩa trang.

- Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định: Đạt.

+ Về nước thải: Không có hiện tượng ngập úng, ứ đọng nước thải, nước mưa tại các khu dân cư tập trung.

+ Về chất thải rắn: Bao bì thuốc BVTV được thu gom vào các bi đặt sẵn và nông dân định kỳ mang đi đốt. Hợp đồng với Công ty CP Điện và Môi trường thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt.

+ 4/4 thôn có quy ước chung được UBND huyện phê duyệt.

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đều đạt $\geq 85\%$.

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 100%:

+ Tỷ lệ hộ chăn nuôi đảm bảo các điều kiện vệ sinh môi trường là 14/14 hộ, đạt 100%.

+ Không có hộ chăn nuôi gây mùi hôi thối: Đạt 100%.

+ Có 02 trang trại có diện tích $> 1.000 \text{ m}^2$, đã lập báo cáo đánh giá tác động môi trường được tỉnh phê duyệt; 02 hộ chăn nuôi có diện tích chuồng $<$

50m², đã có cam kết với huyện; 10/10 hộ chăn nuôi có diện tích chuồng nhỏ hơn 50m² và đã cam kết bảo vệ môi trường với xã.

+ Có 14/14 hộ chăn nuôi có hầm biogas để xử lý nước thải và phân.

- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%.

c) Đánh giá chung tiêu chí số 17 Môi trường và an toàn thực phẩm: **Đạt**.

18. Tiêu chí số 18: Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- 100% cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định.

- Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.

- Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh".

- Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên.

- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- 9/9 cán bộ và 12/12 công chức của xã đạt chuẩn theo quy định.

- Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định như: Tổ chức Đảng, Chính quyền và Đoàn thể chính trị xã hội: Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên CSHCM, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh xã.

- Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh" năm 2018.

- Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của xã đều được công nhận đạt danh hiệu tiên tiến trở lên.

- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định đã được UBND huyện Sơn Tịnh phê duyệt tại Quyết định số 4488/QĐ-UBND ngày 19/9/2018.

- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội: Đạt.

+ Có ít nhất 01 nữ lãnh đạo của xã: Bà Nguyễn Thị Lợi - Phó Chủ tịch HĐND xã.

+ Có 100% phụ nữ thuộc hộ nghèo được vay vốn ưu đãi.

+ Không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn.

+ Hàng tháng 02 chuyên mục tuyên truyền về bình đẳng giới trên hệ thống truyền thanh của xã.

+ Có 01 mô hình địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh cho các nạn nhân bị bạo lực giới và bạo lực gia đình tại thôn Trà Bình, xã Tịnh Trà.

c) Đánh giá chung tiêu chí số 18 Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật: **Đạt**.

19. Tiêu chí số 19: Quốc phòng và an ninh

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.

- Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

* **Nội dung 1:** Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng (đạt).

- Xây dựng Ban chỉ huy quân sự và dân quân xã: Đạt.

+ Số lượng cán bộ theo quy định của pháp luật: Chỉ huy trưởng, hiện nay là thành viên Ủy ban nhân xã; Chỉ huy phó, Chính trị viên, Chính trị viên phó, hiện nay là cán bộ kiêm nhiệm; Trình độ chuyên môn: Chỉ huy trưởng được đào tạo trung cấp chuyên nghiệp ngành quân sự cơ sở. Chỉ huy phó đang đào tạo chuyên ngành đại học quân sự cơ sở. Hàng năm chỉ huy trưởng, chỉ huy phó tham gia tập huấn, bồi dưỡng về chính trị, quân sự, pháp luật và nghiệp vụ chuyên môn (đạt).

+ Nơi làm việc của Ban chỉ huy quân sự xã: Ban CHQS xã có nơi làm việc và trang thiết bị theo quy định của pháp luật; Cán bộ Chỉ huy trưởng Ban CHQS xã hưởng phụ cấp quản lý đơn vị, phụ cấp thâm niên, chỉ huy phó được hưởng phụ cấp quản lý đơn vị (đạt).

+ Chất lượng chính trị: Tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân nông cốt đạt 27,42% (17/62 đồng chí) so với tổng dân quân; hoàn thành chỉ tiêu phát triển đảng viên mới trong dân quân theo quy định (đạt).

+ Thôn đội trưởng, trung đội trưởng dân quân cơ động là Đảng viên (đạt).

- Xây dựng lực lượng dân quân “Vững mạnh, rộng khắp”: Đạt.

+ Tổ chức xây dựng lực lượng, biên chế, trang bị: Tổ chức biên chế đơn vị dân quân theo quy định. Ban CHQS xã tham mưu cho UBND xã tổ chức lễ kết nạp dân quân mới và trao quyết định công nhận dân quân nông cốt đã hoàn thành nhiệm vụ. Trang bị, quản lý vũ khí sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ của dân quân đúng quy định (đạt).

+ Huấn luyện: Dân quân được giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự theo nội dung, thời gian, chương trình quy định tại Thông tư 02/2016/TT-BQP ngày 08/01/2016 của Bộ Quốc phòng (đạt).

+Hoạt động: Thực hiện theo Nghị định số 133/2015/NĐ-Cp ngày 28/12/2015 của Chính phủ và Quyết định số 3243/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 của UBND huyện Sơn Tịnh về việc ban hành quy chế phối hợp của DQTV với các lực lượng trong hoạt động bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở; bảo vệ phòng chống cháy rừng. Lực lượng dân quân phối hợp với các lực

lượng, trong những năm qua đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn (đạt).

- Hoàn thành các chỉ tiêu về quốc phòng: Đạt.

+ Thực hiện xây dựng các kế hoạch theo quy định tại Thông tư 108/2016/TT-BQP ngày 16/7/2016 của bộ Quốc phòng: Đã xây dựng xong 23/23 văn kiện, đạt 100%.

+ Tuyên truyền vận động và triển khai thực hiện tốt công tác tuyên quân: hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyên chọn gọi công dân nhập ngũ theo chỉ tiêu Chủ tịch UBND cấp huyện giao, không có quân nhân bỏ ngũ, tước quân tịch trả về địa phương.

+ 100% quân nhân hoàn thành nhiệm vụ ở đơn vị thường trực về địa phương được đăng quân dự bị và được quản lý chặt chẽ.

+ Phương tiện kỹ thuật được đăng ký, quản lý chặt chẽ theo chỉ tiêu cấp trên giao, sẵn sàng động viên khi có lệnh.

+ Tổ chức tốt trình tự, thủ tục công tác đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ, công dân nam trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ, đăng ký nghĩa vụ quân sự và lập danh sách báo cáo Ban CHQS huyện theo đúng quy định của pháp luật.

+ Xây dựng lực lượng dân quân nòng cốt vào đội xung kích trong thực hiện nhiệm vụ phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đảm bảo đúng theo quy định.

+ Chủ trì phối hợp thực hiện đảm bảo có hiệu quả công tác quốc phòng, quân sự theo sự lãnh đạo, chỉ đạo Đảng ủy, và chỉ thị, mệnh lệnh, hướng dẫn của ban CHQS huyện.

+ Phối hợp thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục quốc phòng, an ninh cho lực lượng vũ trang và nhân dân, công tác vận động quần chúng, công tác chính sách hậu phương quân đội đảm bảo; tổ chức cho dân quân, dự bị động viên tham gia xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện trên địa bàn xã.

*** Nội dung 2:** Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.

- Hàng năm Đảng ủy xã có Nghị quyết, UBND xã có kế hoạch về công tác đảm bảo ANTT; tổ chức xây dựng có hiệu quả mô hình bảo vệ ANTT ở cơ sở.

- Trên địa bàn xã không xảy ra các vụ việc khiếu nại đông người kéo dài; khiếu nại vượt cấp trái pháp luật gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội.

- Không có vụ án hình sự về tội phạm quy định tại các điều 93, 95, 96 và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại các Điều 104, 111, 112, 113, 114, 133, 134, 135 (*Bộ luật hình sự năm 1999; sửa đổi bổ sung năm 2009*) xảy ra.

- Từ đầu năm 2018 đến nay các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên địa bàn xã Tịnh Trà cơ bản được kiểm chế và giảm hơn so với năm 2017.

- Xã Tịnh Trà được công nhận đạt tiêu chuẩn An toàn về ANTT; không thuộc diện xã trọng điểm phức tạp về an ninh, trật tự.

- Công an xã năm 2018 được công nhận danh hiệu Đơn vị tiên tiến.

c) Đánh giá chung tiêu chí số 19 Quốc phòng và an ninh: **Đạt.**

(Chi tiết có biểu tổng hợp kèm theo)

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới:

Theo Báo cáo số 173/BC-UBND ngày 26/9/2018 của UBND xã Tịnh Trà về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới và dự kiến nguồn thu trả nợ xây dựng cơ bản; Đến ngày 25/9/2018, tổng số nợ đọng xây dựng cơ bản (nguồn vốn ngân sách xã) là 3.399,1 triệu đồng.

Theo kế hoạch, UBND xã Tịnh Trà dự kiến bố trí trả nợ đọng xây dựng cơ bản từ nguồn thu đầu giá đất trên địa bàn như: KDC Cầu Ghi, KDC Trạm Y tế, các KDC lẻ tẻ (Ngã tư Ba Soại, Phú Thọ I, Trường TH Tịnh Trà).

II. KẾT LUẬN:

1. Về hồ sơ: Đảm bảo yêu cầu theo quy định.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới:

Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã Tịnh Trà, đã được UBND huyện Sơn Tịnh thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới là: 19/19 tiêu chí.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới: Để sớm giải quyết nợ đọng, yêu cầu UBND xã Tịnh Trà chủ động và từng bước có giải pháp xử lý, khắc phục vấn đề nợ xây dựng cơ bản, ưu tiên bố trí các nguồn vốn, tích cực huy động từ nhiều nguồn lực, ưu tiên những khoản ngân sách nhàn rỗi để tập trung trả nợ.

III. KIẾN NGHỊ:

Kính đề nghị UBND tỉnh Quảng Ngãi xét, công nhận xã Tịnh Trà đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2018./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- VPĐP CT MTQG XD NTM tỉnh;
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các thành viên BCĐ Chương trình MTQG XD NTM huyện;
- VPĐP CT MTQG XD NTM huyện;
- UBND xã Tịnh Trà;
- CVP, các PVP (KT, TH);
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Đông

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI NĂM 2018
CỦA XÃ TỊNH TRÀ, HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /2018 của UBND huyện Sơn Tịnh)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
I	QUY HOẠCH				
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt	Đạt chuẩn
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch		Đạt	Đạt chuẩn
II	HẠ TẦNG KINH TẾ XÃ HỘI				
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	Cứng hóa 100% (trong đó nhựa hóa, bê tông hóa $\geq 90\%$)	100%	Đạt chuẩn
		2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	cứng hóa $\geq 70\%$	90,42%	Đạt chuẩn
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	cứng hóa $\geq 70\%$	70,94%	Đạt chuẩn
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	cứng hóa $\geq 70\%$	75,66%	Đạt chuẩn
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên (Tỷ lệ kiên cố hóa kênh mương loại III đạt $\geq 55\%$; diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt $\geq 80\%$)	Đạt	Đạt (KCH 73,7%; DT tưới, tiêu >80%)	Đạt chuẩn
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	Đạt	Đạt chuẩn
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt chuẩn
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn $\geq 98\%$	$\geq 98\%$	100%	Đạt chuẩn

5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia $\geq 80\%$	$\geq 80\%$	100%	Đạt chuẩn
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã (<i>Nhà Văn hóa hoá hoặc hội trường đa năng: diện tích $\geq 500m^2$; $\geq 200m^2$ chỗ ngồi: Khu thể vận động): $\geq 2000m^2$)</i>	Đạt	Đạt	Đạt chuẩn
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Có	Có	Đạt chuẩn
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	100%	Đạt chuẩn
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa (xã có chợ theo quy hoạch đạt chuẩn theo quy định hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa)	Có	Có	Đạt chuẩn
8	Thông tin và truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Có	Có	Đạt chuẩn
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Có	Có	Đạt chuẩn
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Có	Có	Đạt chuẩn
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Có	Có	Đạt chuẩn
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, nhà dột nát	Không	Không	Đạt chuẩn
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	$\geq 80\%$	95,40%	Đạt chuẩn
III KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT					
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2017	Năm 2018: 34 tr.đồng/người/năm	35,14 triệu đồng	Đạt chuẩn
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016 - 2020	$\leq 5\%$	0,86%	Đạt chuẩn
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	$\geq 90\%$	92,30%	Đạt chuẩn
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác 2012	Đạt	Đạt	Đạt chuẩn
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	Đạt	Đạt chuẩn

IV VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG					
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt	Đạt	Đạt chuẩn
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) $\geq 85\%$	$\geq 85\%$	94,9%	Đạt chuẩn
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo $\geq 40\%$	$\geq 40\%$	43,3%	Đạt chuẩn
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế $\geq 85\%$	$\geq 85\%$	85,74%	Đạt chuẩn
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt chuẩn
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) $\leq 24,2\%$	$\leq 24,2\%$	16,1%	Đạt chuẩn
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định $\geq 70\%$	$\geq 70\%$	100%	Đạt chuẩn
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định $\geq 95\%$ ($\geq 60\%$ nước sạch)	$\geq 95\%$ ($\geq 60\%$ nước sạch)	$\geq 95\%$ ($\geq 60\%$ nước sạch)	Đạt chuẩn
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường 100%	100%	Đạt	Đạt chuẩn
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Đạt	Đạt chuẩn
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch: - Việc mai táng phải phù hợp với tín ngưỡng, phong tục tập quán tốt, truyền thống văn hóa và nếp sống văn minh hiện đại nhưng phải bảo đảm an toàn, an ninh và vệ sinh môi trường theo quy định. - Có quy hoạch xây dựng nghĩa trang lâu dài phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, tập quán của địa phương và được cấp có thẩm quyền phê duyệt; - Xây dựng quy chế về quản lý, sử dụng nghĩa trang theo quy định.	Đạt	Đạt	Đạt chuẩn
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt chuẩn
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch $\geq 85\%$	$\geq 85\%$	$\geq 85\%$	Đạt chuẩn
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường $\geq 75\%$	$\geq 75\%$	100%	Đạt chuẩn

		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm 100%	100%	Đạt	Đạt chuẩn
V	HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ				
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt chuẩn
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt chuẩn
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Đạt	Đạt	Đạt chuẩn
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên 100%	Đạt	Đạt	Đạt chuẩn
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt chuẩn
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt	Đạt chuẩn
19	Quốc phòng và an ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt chuẩn
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Đạt	Đạt	Đạt chuẩn